**Phụ lục VI**

**BIỂU MẪU 01: BÁO CÁO ĐỊNH KỲ DỊCH BỆNH THỦY SẢN**

*(Do Trạm Thú y thực hiện)*

|  |  |
| --- | --- |
| CHI CỤC THÚ Y..........................  **TRẠM..............................** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  | *........... (Địa danh)......., ngày ……….tháng………..năm 20 .........* |

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ DỊCH BỆNH THỦY SẢN**

*(Đánh dấu vào một trong các ô:  Tháng  6 tháng  Năm.*

*Số liệu báo cáo được tổng hợp từ ngày……/…. đến ngày….../…….\*)*

**I. Tình hình dịch bệnh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên xã** | **Loài thủy sản** | **Mục đích nuôi** | **Phương thức nuôi** | **Tên bệnh, nghi bệnh** | **Ngày tuổi sau khi thả** | **Diện tích (ha) hoặc số bể, lồng, bè, vèo bị bệnh, nghi bệnh** | **Diện tích (ha) hoặc số bể, lồng, bè, vèo đang nuôi của xã** | **Ghi chú** |
|  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| 1 | A | Tôm thẻ | Thương phẩm | Thâm canh | Đốm trắng | 20 - 60 | 1 | 20 |  |
| 2 | Phường E | Tôm sú | Thương phẩm | Bán thâm canh | Không rõ nguyên nhân | 20 - 70 | 0,8 | 30 |  |
| 3 | B | Cá tra | Thương phẩm | Thâm canh | Gan thận mủ | 30 - 45 | 2,3 | 128 |  |
| 4 | Thị trấn C | Cá tra | Thương phẩm | Thâm canh | Xuất huyết | 90 | 11,5 | 150 |  |
| 5 | D | Tôm hùm | Thương phẩm | Lồng | Sữa | 15 - 45 | 20 | 120 |  |
| 6 | Đ | Tôm thẻ | Giống |  | Đốm trắng |  | 5 | 30 |  |
|  | **Tổng cộng** | | | | | |  |  |  |

**Hướng dẫn điền thông tin:**

\* Nếu là báo cáo tháng: Số liệu tổng hợp để báo cáo được tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng;

\* Nếu là báo cáo 6 tháng: Số liệu tổng hợp để báo cáo được tính từ ngày 01/01 đến ngày 30/6;

\* Nếu là báo cáo năm: Số liệu tổng hợp để báo cáo được tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

(1) Tên xã: Mỗi xã ghi một hàng.

(2) Loài thủy sản: Mỗi loài thủy sản (ví dụ: Tôm sú, tôm thẻ, tôm hùm, cá tra,….) ghi một hàng.

(3) Mục đích nuôi: Ghi rõ mục đích gì (làm giống, thương phẩm, làm cảnh, …).

(4) Phương thức nuôi: Ghi rõ phương thức nuôi là nuôi quảng canh, thâm canh, bán thâm canh, ….

(5) Tên bệnh, nghi bệnh: **Mỗi bệnh ghi một hàng (không ghi nhiều bệnh trong một hàng)**. Nếu không rõ nguyên nhân đề nghị ghi “Không rõ nguyên nhân”. Nếu do môi trường hoặc thời tiết thì cần ghi rõ là do môi trường, thời tiết.

(6) Ngày tuổi sau khi thả: Tính từ ngày thả giống đến ngày thủy sản bị bệnh, nghi bệnh; ghi ngày tuổi nhỏ nhất – lớn nhất.

(7) Diện tích (ha) hoặc số bể, lồng, bè, vèo bị bệnh, nghi bệnh: Thống kê **tính đến thời điểm báo cáo**.

(8) Diện tích (ha) hoặc số bể, lồng, bè, vèo đang nuôi của xã: Thống kê **tính đến thời điểm báo cáo**.

(9) Ghi chú: Ngày lấy mẫu chẩn đoán, ngày xét nghiệm, mầm bệnh, dấu hiệu bệnh (trong trường hợp nghi ngờ hoặc không xác định được bệnh),…..

**BIỂU MẪU 02: BÁO CÁO ĐỊNH KỲ DỊCH BỆNH THỦY SẢN**

*(Do Chi cục Thú y thực hiện)*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT ..........................  **CHI CỤC ..............................** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  | *...........(Địa danh)........., ngày …… tháng ……năm 20 ........* |

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ DỊCH BỆNH THỦY SẢN**

*(Đánh dấu vào một trong các ô:  Tháng  6 tháng  Năm.*

*Số liệu báo cáo được tổng hợp từ ngày……….. đến ngày….…….\*)*

**I. Tình hình dịch bệnh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên huyện** | **Tên xã** | **Loài thủy sản** | **Mục đích nuôi** | **Phương thức nuôi** | **Tên bệnh, nghi bệnh** | **Ngày tuổi sau khi thả** | **Diện tích (ha) hoặc số bể, lồng, bè, vèo bị bệnh/ nghi bệnh** | **Diện tích (ha) hoặc số bể, lồng, bè, vèo đã nuôi của xã** | **Ghi chú** |
|  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| 1 | A | Thị trấn G | Tôm thẻ | Thương phẩm | Thâm canh | Đốm trắng | 30-45 | 1 | 20 |  |
| 2 | Thị xã E | G | Tôm sú | Thương phẩm | Bán thâm canh | Không rõ nguyên nhân | 50-70 | 0,8 | 40 |  |
| 3 | B | H | Cá tra | Giống | Thâm canh | Gan thận mủ |  | 10 | 128 |  |
| 4 | Tp. C | Phường H | Cá tra | Thương phẩm | Thâm canh | Xuất huyết | 60-90 | 45 | 120 |  |
| 5 | D | H | Tôm hùm | Thương phẩm | Lồng | Sữa | 100 | 50 | 1080 |  |
|  | **Tổng cộng** | | | | | | |  |  |  |

**Hướng dẫn điền thông tin:**

\* Nếu là báo cáo tháng: Số liệu tổng hợp để báo cáo được tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng;

\* Nếu là báo cáo 6 tháng: Số liệu tổng hợp để báo cáo được tính từ ngày 01/01 đến ngày 30/6;

\* Nếu là báo cáo năm: Số liệu tổng hợp để báo cáo được tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

(1) Tên huyện: Mỗi huyện ghi một hàng.

(2) Tên xã: Mỗi xã ghi một hàng.

(3) Loài thủy sản: Mỗi loài thủy sản (ví dụ: Tôm sú, tôm thẻ, tôm hùm, cá tra,….) ghi một hàng.

(4) Mục đích nuôi: Ghi rõ mục đích gì (làm giống, thương phẩm, làm cảnh, …).

(5) Phương thức nuôi: Ghi rõ phương thức nuôi là nuôi quảng canh, thâm canh, bán thâm canh, tôm - lúa,….

(6) Tên bệnh, nghi bệnh: **Mỗi bệnh ghi một hàng (không ghi nhiều bệnh trong một hàng)**. Nếu không rõ nguyên nhân đề nghị ghi “Không rõ nguyên nhân”. Nếu do môi trường hoặc thời tiết thì cần ghi rõ là do môi trường, thời tiết.

(7) Ngày tuổi sau khi thả: Tính từ ngày thả giống đến ngày thủy sản bị bệnh, nghi bệnh; ghi ngày tuổi nhỏ nhất – lớn nhất.

(8) Diện tích (ha) hoặc số bể, lồng, bè, vèo bị bệnh, nghi bệnh: Thống kê **tính đến thời điểm báo cáo.**

(9) Diện tích (ha) hoặc số bể, lồng, bè, vèo đang nuôi của xã: Thống kê **tính đến thời điểm báo cáo.**

(10) Ghi chú: Ngày lấy mẫu chẩn đoán, ngày xét nghiệm, mầm bệnh, dấu hiệu bệnh (trong trường hợp nghi ngờ hoặc không xác định được bệnh),…

**Tổng cộng**: Chỉ tính tổng khi các hàng trong cột có cùng đơn vị tính.

**II. Nhận định tình hình dịch**

Tại thời điểm báo cáo, dịch bệnh có chiều hướng giảm hay tăng,…

**III. Các biện pháp phòng, chống và xử lý ổ dịch đã thực hiện**

- Các biện pháp phòng, chống, xử lý ổ dịch đã thực hiện; đánh giá hiệu quả thực hiện.

- Những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, bất cập cần khắc phục; đề xuất giải pháp khắc phục.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Sở NN&PTNT (để b/c);  - Cục Thú y (để b/c);  - Cơ quan Thú y vùng (để b/c);  - Các Trạm Thú y trực thuộc;  - Lưu: …….. | **CHI CỤC TRƯỞNG**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**BIỂU MẪU 03: BÁO CÁO ĐỊNH KỲ DỊCH BỆNH THỦY SẢN**

*(Để Chi cục Thú y vùng báo cáo Cục Thú y)*

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC THÚ Y  **CƠ QUAN THÚ Y VÙNG ........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /BC-CQTYV…-DT | *...........(Địa danh)........., ngày …… tháng ……năm 20 ........* |

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ DỊCH BỆNH THỦY SẢN**

*(Đánh dấu vào một trong các ô:  Tháng  6 tháng  Năm.*

*Số liệu báo cáo được tổng hợp từ ngày……….. đến ngày….……\*.)*

**I. Tình hình dịch bệnh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tỉnh** | **Tên huyện** | **Tên xã** | **Loài thủy sản** | **Mục đích nuôi** | **Phương thức nuôi** | **Tên bệnh, nghi bệnh** | **Ngày tuổi sau khi thả** | **Diện tích (ha) hoặc số bể, lồng, bè, vèo bị bệnh/nghi bệnh** | **Diện tích (ha) hoặc số bể, lồng, bè, vèo đã nuôi của xã** | **Ghi chú** |
|  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| 1 | K | G | A | Tôm thẻ | Thương phẩm | Thâm canh | Đốm trắng | 30-45 | 1 | 20 |  |
| 2 | K | Tx. T | E | Tôm sú | Thương phẩm | Bán thâm canh | Không rõ | 50-65 | 0,8 | 35 |  |
| 3 | M | H | B | Cá tra | Giống | Thâm canh | Gan thận mủ |  | 3 | 128 |  |
| 4 | M | Tp. G | Phường X | Cá tra | Thương phẩm | Thâm canh | Xuất huyết | 60-80 | 15,5 | 150 |  |
| 5 | R | H | D | Tôm hùm | Thương phẩm | Nuôi biển | Sữa | 90 | 40 | 160 |  |
| **Tổng cộng** | | | | | | | | |  |  |  |

**Hướng dẫn điền thông tin:**

\* Nếu là báo cáo tháng: Số liệu tổng hợp để báo cáo được tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng;

\* Nếu là báo cáo 6 tháng: Số liệu tổng hợp để báo cáo được tính từ ngày 01/01 đến ngày 30/6;

\* Nếu là báo cáo năm: Số liệu tổng hợp để báo cáo được tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

(1) Tên tỉnh: Mỗi tỉnh ghi một hàng.

(2) Tên huyện: Mỗi huyện ghi một hàng.

(3) Tên xã: Mỗi xã ghi một hàng.

(4) Loài thủy sản: Mỗi loài thủy sản (ví dụ: Tôm sú, tôm thẻ, tôm hùm, cá tra,….) ghi một hàng.

(5) Mục đích nuôi: Ghi rõ mục đích gì (làm giống, thương phẩm, làm cảnh, …).

(6) Phương thức nuôi: Ghi rõ phương thức nuôi là nuôi quảng canh, thâm canh, bán thâm canh, tôm - lúa,….

(7) Tên bệnh, nghi bệnh: **Mỗi bệnh ghi một hàng (không ghi nhiều bệnh trong một hàng)**. Nếu không rõ nguyên nhân đề nghị ghi “Không rõ nguyên nhân”. Nếu do môi trường hoặc thời tiết thì cần ghi rõ là do môi trường, thời tiết.

(8) Ngày tuổi sau khi thả: Tính từ ngày thả giống đến ngày thủy sản bị bệnh, nghi bệnh; ghi ngày tuổi nhỏ nhất – lớn nhất.

(9) Diện tích (ha) hoặc số lồng, bè, vèo bị bệnh, nghi bệnh: Thống kê **tính đến thời điểm báo cáo.**

(10) Diện tích (ha) hoặc số lồng, bè, vèo đang nuôi của xã: Thống kê **tính đến thời điểm báo cáo.**

(11) Ghi chú: Ngày lấy mẫu chẩn đoán, ngày xét nghiệm, mầm bệnh, dấu hiệu bệnh (trong trường hợp nghi ngờ hoặc không xác định được bệnh),…

**Tổng cộng**: Chỉ tính tổng khi các hàng trong cột có cùng đơn vị tính.

**II. Nhận định tình hình dịch**

Tại thời điểm báo cáo, dịch bệnh có chiều hướng giảm hay tăng,…..

**III. Các biện pháp phòng, chống và xử lý ổ dịch đã thực hiện**

- Các biện pháp phòng, chống, xử lý ổ dịch đã thực hiện; đánh giá hiệu quả thực hiện.

- Những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, bất cập cần khắc phục; đề xuất giải pháp khắc phục.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Cục Thú y (để b/c);  - Chi cục Thú y các tỉnh, TP trong vùng;  - Lưu: ….... | **GIÁM ĐỐC**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |